TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2023/QĐST-VHNGĐ	*Phổ Yên, ngày 17 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 211, Điều 212 và khoản 4 Điều 394 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2023/TLST-VHNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2023 về *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1991;
- Anh Nguyễn Trung A, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Xóm H1, xã MĐ, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trung A tự nguyện kết hôn với nhau từ tháng 04 năm 2015. Đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã MĐ vào ngày 10/4/2015(Số đăng ký kết hôn 20/2015). Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và cách sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, không có hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2022, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Do vậy chị T, anh A cùng thống nhất có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thoả thuận thuận tình ly hôn; Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 5 năm 2023 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trung A đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

[3]. Về tài sản chung, về nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị T, anh A đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung đều không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Chị T, anh A thống nhất thỏa thuận: Cả hai cùng chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thoả thuận về ly hôn mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trung A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trung A đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

1.3. Về tài sản chung; nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị T, anh A đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4. Về lệ phí: Chị T, anh A thống nhất thỏa thuận: Chị T, anh A cùng nộp lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, theo biên lai thu số 0001467 ngày 05/5/2023.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã MĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy